

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;

Căn cứ Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;

Căn cứ Nghị quyết số 40-NQ/ĐU ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ

và Nghị quyết số 40-NQ/ĐU của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ ngày 17 tháng 8 năm 2026 về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, BHD.



BỘ TRƯỞNG

Trịnh Việt Hùng

KẾ HOẠCH CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026
của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV
về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh
và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 8 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ, trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ; bảo đảm việc tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị thuộc Bộ với các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực, tránh chồng chéo, trùng lặp.

- Kế thừa các nhiệm vụ, chương trình, đề án đang triển khai theo Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và các văn bản có liên quan; đồng thời rà soát, cập nhật các yêu cầu mới của Nghị quyết số 20-NQ/TW, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được giao tại Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và tổ chức truyền thông về xây dựng, phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 218/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 40-NQ/ĐU của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ và Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; lồng ghép nội dung phát triển quốc gia biển mạnh

vào chương trình công tác, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, truyền thông hằng năm của ngành nông nghiệp và môi trường.

Đẩy mạnh truyền thông về quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển; bảo vệ môi trường biển; phát triển kinh tế biển xanh; phát triển thủy sản bền vững, nuôi biển công nghệ cao; phòng, chống khai thác IUU và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi); bảo đảm quy định rõ cơ chế giao, cho thuê, sử dụng, khai thác không gian biển; nghĩa vụ tài chính; bảo vệ tài nguyên, môi trường; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và xử lý xung đột trong sử dụng biển.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý tổng hợp biển, hải đảo; đất đai, tài nguyên, môi trường; đa dạng sinh học; thủy sản; biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai và các lĩnh vực liên quan.

Phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan trong rà soát mô hình quản lý nhà nước về biển, đảo; đề xuất kiến toàn cơ quan đầu mối, cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan.

Nghiên cứu, hoàn thiện và tổ chức thực hiện mô hình quản trị biển quốc gia hiện đại, tổng hợp, thống nhất trên cơ sở quản lý không gian biển, dữ liệu số, khoa học, công nghệ và phối hợp liên ngành; nâng cao năng lực điều phối, giám sát, quản trị rủi ro trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

3. Đổi mới công tác quy hoạch không gian biển; quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển, vùng bờ

Rà soát, cập nhật và điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó chú trọng đến việc phân vùng chức năng khu vực biển cho hàng hải, cảng biển, năng lượng ngoài khơi, thủy sản, nuôi biển, du lịch, dịch vụ, bảo tồn biển... đã được giao tại Kết luận 18-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; bảo đảm kết nối giữa không gian đất liền, biển, đảo, vùng trời, vùng bờ và các không gian phát triển mới, nâng cao hiệu quả điều phối phát triển, kiểm soát xung đột trong sử dụng không gian biển, làm cơ sở cho quản lý tổng hợp, thống nhất và khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo.

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chú trọng

khai thác, phát triển bền vững các vùng đất ven biển, vùng biển ven bờ, đảo và hải đảo; bảo đảm sự đồng bộ giữa quy hoạch không gian biển với các quy hoạch ngành, quy hoạch có liên quan và yêu cầu phát triển kinh tế biển bền vững.

Xây dựng, trình ban hành quy định, hướng dẫn kỹ thuật về phân vùng chức năng, sử dụng không gian biển; xây dựng bản đồ số và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW.

Tăng cường công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; từng bước mở rộng điều tra ở vùng biển sâu, biển xa, các khu vực có tiềm năng tài nguyên, khoáng sản, năng lượng, sinh học biển và các không gian phát triển mới; cung cấp cơ sở khoa học, dữ liệu phục vụ lập, điều chỉnh và tổ chức thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, dữ liệu biển và nguồn nhân lực

Xây dựng, tích hợp, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả hệ thống dữ liệu số về biển, cơ sở dữ liệu quốc gia về biển, bản đồ số biển và đại dương và hoạt động kinh tế biển; bảo đảm liên thông dữ liệu, phục vụ quản trị biển quốc gia, điều hành, giám sát, quy hoạch, dự báo, cảnh báo và phát triển kinh tế biển.

Đề xuất, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển; công nghệ quan trắc, dự báo, cảnh báo; quản trị không gian biển; bảo tồn hệ sinh thái biển; nuôi biển công nghệ cao; kiểm soát ô nhiễm biển; thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về quản trị biển hiện đại, môi trường biển, biến đổi khí hậu, thủy sản bền vững và hợp tác quốc tế về biển, đại dương.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp với trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật nhằm nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và cảnh báo sớm các hiện tượng ô nhiễm môi trường biển; giám sát biến động bờ biển, các hệ sinh thái biển và ven biển; cung cấp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực thi pháp luật trong quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Đẩy mạnh xây dựng hệ thống dữ liệu số về tàu cá, ngư trường và nguồn lợi thủy sản để phục vụ quản trị biển hiện đại và nghiên cứu, thúc đẩy ngành kinh tế nuôi biển công nghệ cao. Ứng dụng công nghệ số trong quản trị và giám sát nuôi biển xa bờ.

5. Phát triển thủy sản bền vững, nuôi biển công nghệ cao và kinh tế biển xanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; cơ cấu lại ngành thủy sản

theo hướng hiện đại, bền vững, có trách nhiệm, khai thác theo đúng mùa vụ, đặc tính sinh học, kích thước và sản lượng các loài thủy sản; giảm khai thác ven bờ, đẩy mạnh nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao và khai thác xa bờ có trách nhiệm. Phát triển chuỗi giá trị thủy sản, gắn với các vùng sinh thái và tích hợp đa giá trị. Phối hợp với địa phương đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng ven biển (cảng cá, khu neo đậu, cơ sở chế biến, khu nuôi trồng thủy sản...).

Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống khai thác IUU; kiểm soát chặt chẽ toàn bộ chuỗi từ quản lý tàu cá, sản lượng cập bến đến truy xuất nguồn gốc; xử lý nghiêm vi phạm, hướng tới gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu (EC); thực hiện các dự án cải thiện nghề cá đạt các chứng nhận quốc tế phục vụ phát triển chuỗi giá trị hải sản xuất khẩu bền vững và đáp ứng các quy định phòng, chống khai thác IUU.

Phát triển giống thủy sản, công nghệ nuôi biển, mô hình lồng nuôi thông minh, phương tiện, thiết bị phục vụ nuôi biển; thức ăn và công nghệ phòng trừ dịch bệnh trong nuôi biển quy mô lớn.

Phối hợp xây dựng Đề án/Chương trình phát triển hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại, chú trọng phát triển kinh tế biển trong phạm vi 12 hải lý; xác định mô hình thí điểm, nhiệm vụ, dự án ưu tiên và bộ chỉ tiêu theo dõi, đánh giá.

6. Bảo vệ môi trường biển, bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi hệ sinh thái biển

Tăng cường điều tra cơ bản đa dạng sinh học biển; triển khai chương trình, kế hoạch bảo vệ đa dạng sinh học, phục hồi nguồn lợi thủy sản, mở rộng và quản lý hiệu quả khu bảo tồn biển, bảo vệ rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi triều, vùng đất ngập nước ven biển và các hệ sinh thái đặc thù; kiểm soát, ngăn chặn hoạt động khai thác, buôn bán và sử dụng trái phép các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

Tăng cường quản lý chất thải từ đất liền, ven biển, hải đảo và hoạt động trên biển, kinh tế biển; nâng cao hiệu quả phân loại, thu gom, tái chế rác thải nhựa ven biển, rác thải nhựa đại dương.

Nghiên cứu, đánh giá và phát huy giá trị các hệ sinh thái carbon xanh như rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, bãi triều, rạn san hô gắn bảo tồn với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế biển xanh.

7. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, chống thiên tai và sự cố môi trường biển

Nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo sớm; tăng cường quản trị rủi ro thiên tai, môi trường biển, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, nước biển dâng và các rủi ro sinh thái; xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường biển phục vụ chỉ đạo, điều hành, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và ứng phó sự cố.

Rà soát nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với đô thị, hạ tầng, khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển; phối hợp với địa phương xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình bảo vệ bờ biển, đê biển, phục hồi vành đai

sinh thái chắn sóng, chắn gió.

Xây dựng, cập nhật và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống tại các địa phương ven biển, các đảo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Nâng cao khả năng chống chịu, năng lực phòng, chống thiên tai, giảm thiểu rủi ro. Ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống đê biển gắn với tuyến đường bộ ven biển, công trình phòng, chống thiên tai, xâm nhập mặn; phòng, chống xói lở, bảo vệ đường bờ biển, địa hình tự nhiên, cảnh quan và không gian ven biển.

8. Tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng và hợp tác quốc tế về biển, đại dương

Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương ven biển trong xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng về sử dụng không gian biển, bảo vệ môi trường biển, khai thác tài nguyên, phát triển thủy sản, phòng, chống thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an toàn trên biển theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ môi trường biển, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển kinh tế biển xanh, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ biển.

Tham gia có trách nhiệm vào các cơ chế, diễn đàn, sáng kiến khu vực và quốc tế về biển, đại dương; phối hợp trong công tác đối ngoại, thông tin đối ngoại, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam trên biển.

III. MỤC TIÊU, DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu gắn với trách nhiệm của đơn vị chủ trì tại Phụ lục I; danh mục nhiệm vụ cụ thể, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, sản phẩm/kết quả và thời hạn hoàn thành tại Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch này.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và danh mục nhiệm vụ tại Phụ lục II chủ động cụ thể hóa thành kế hoạch công tác của đơn vị; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả và gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm người đứng đầu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai của đơn vị; cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao, lồng ghép vào chương trình công tác, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch tài chính - ngân sách, kế hoạch khoa học và công nghệ, kế hoạch chuyển đổi số, kế hoạch truyền thông và các chương trình, đề án, dự án có liên quan; tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

2. Các đơn vị thuộc Bộ chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp để bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

3. Giao các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Giao Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là đơn vị đầu mối, chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; tham mưu Lãnh đạo Bộ chỉ đạo, điều phối, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; định kỳ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng và tham mưu báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định. Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, các đơn vị chủ trì gửi báo cáo kết quả thực hiện về Cục Biển và Hải đảo Việt Nam để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cân đối, bố trí, lồng ghép và hướng dẫn sử dụng các nguồn lực thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác.

c) Giao Vụ Pháp chế phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ; theo dõi, đôn đốc tiến độ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong Kế hoạch.

d) Giao Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trong Kế hoạch.

đ) Giao Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, vị trí việc làm; đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ thực hiện Kế hoạch.

e) Giao Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với Cục Biển và Hải đảo Việt Nam và các đơn vị liên quan theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ do Lãnh đạo Bộ giao; tổ chức thông tin, tuyên truyền về kết quả thực hiện Kế hoạch trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và các kênh truyền thông của ngành.

4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Việc triển khai Kế hoạch là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các đơn vị theo quy định./.

Phụ lục I:

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 218/NQ-CP NGÀY 07 THÁNG 8 NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Mục tiêu, Chỉ tiêu	Kết quả đến năm 2030	Thời hạn	Đơn vị chủ trì (theo chức năng, nhiệm vụ)	Đơn vị phối hợp
1	Hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi).	Dự án Luật được trình Quốc hội xem xét, thông qua	2026	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế; các đơn vị liên quan
2	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền	2026 - 2027	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Tài chính; các đơn vị liên quan
3	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền	2026 - 2030	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Tài chính; các đơn vị liên quan
4	Phân vùng chức năng không gian biển cho các ngành kinh tế biển và các địa phương có biển.	100%	Đến 2030	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan của Bộ; các địa phương ven biển
5	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.	Tối thiểu 6%	Đến 2030	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Các đơn vị liên quan của Bộ; các địa phương ven biển
6	Tỷ lệ chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý.	100%	Đến 2030	Cục Môi trường; các địa phương ven biển	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; đơn vị liên quan
7	Giá trị sản xuất nuôi biển tăng bình quân hằng năm.	8,0%/năm	2026 - 2030	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Các đơn vị liên quan của Bộ

TT	Mục tiêu, Chỉ tiêu	Kết quả đến năm 2030	Thời hạn	Đơn vị chủ trì (theo chức năng, nhiệm vụ)	Đơn vị phối hợp
8	Tỷ trọng nuôi biển trong tổng giá trị sản xuất thủy sản.	15%	Đến 2030	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Các địa phương ven biển; đơn vị liên quan
9	Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống khai thác IUU.	Kết quả kiểm soát khai thác IUU được cải thiện, hướng tới gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của EC	2026 - 2030	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Các địa phương ven biển; đơn vị liên quan
10	Xây dựng, tích hợp, chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng, hoạt động kinh tế biển trong hệ thống quản lý nhà nước.	Dữ liệu được số hóa, tích hợp và chia sẻ theo lộ trình	2026 - 2030	Cục Chuyển đổi số	Các địa phương ven biển; đơn vị liên quan
11	Nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, môi trường biển, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, nước biển dâng.	Hệ thống quan trắc, giám sát, dự báo được nâng cấp; báo cáo kết quả hằng năm	2026 - 2030	- Cục Khí tượng Thủy văn; - Cục Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai; - Cục Viễn thám quốc gia; - Cục Môi trường	Các địa phương ven biển; đơn vị liên quan
12	Xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống tại địa phương ven biển, các đảo.	100% phương án thuộc phạm vi quản lý được xây dựng, cập nhật, triển khai	Đến 2030	- Cục Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai; - Cục Biến đổi khí hậu; - Cục Khí tượng Thủy văn	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Các địa phương ven biển; các đơn vị liên quan

Phụ lục II:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 218/NQ-CP NGÀY 07 THÁNG 8 NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì (theo chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I. Nâng cao nhận thức, truyền thông và tổ chức triển khai trong toàn ngành					
1	Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Văn phòng Bộ; Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Pháp chế; các đơn vị liên quan	Quyết định của Bộ trưởng ban hành Kế hoạch	8/2026
2	Tổ chức quán triệt, phổ biến, truyền thông về Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch của Bộ.	- Văn phòng Bộ; - Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Báo Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị thuộc Bộ	Kế hoạch truyền thông; tin, bài, chuyên đề truyền thông; báo cáo kết quả	2026 và hằng năm
3	Lồng ghép mục tiêu xây dựng, phát triển quốc gia biển mạnh vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách và các chương trình, đề án có liên quan.	Các đơn vị thuộc Bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Kế hoạch công tác, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách và các chương trình, đề án của đơn vị được rà soát, cập nhật, lồng ghép nội dung thực hiện Nghị quyết.	Hằng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì (theo chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
II. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật và cơ chế điều phối quản trị biển					
4	Hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi).	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế; các đơn vị liên quan	Dự án Luật trình Quốc hội xem xét, thông qua	2026
5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về biển, hải đảo, vùng bờ, môi trường biển, đa dạng sinh học biển và các lĩnh vực liên quan.	- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; - Cục Môi trường; - Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; - Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Danh mục văn bản được rà soát; văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền	2026 - 2028
6	Phối hợp rà soát mô hình quản lý nhà nước về biển, đảo; đề xuất cơ quan đầu mối, cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng và quy trình phối hợp xử lý vấn đề phát sinh trên biển.	- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; - Vụ Tổ chức cán bộ	Bộ Nội vụ; Bộ Tư pháp; các đơn vị liên quan	Báo cáo rà soát, đề xuất kiện toàn mô hình quản lý nhà nước về biển, cơ chế điều phối liên ngành trình cấp có thẩm quyền.	2026 - 2027
III. Quy hoạch không gian biển, quản lý tài nguyên biển, vùng bờ, đảo và hải đảo					
7	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương ven biển; các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền	2026 - 2027

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì (theo chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
8	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan; địa phương ven biển	Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền	2026 - 2030
9	Xây dựng quy định, hướng dẫn kỹ thuật về phân vùng chức năng, sử dụng không gian biển.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan; địa phương ven biển	Văn bản hướng dẫn	2026 - 2030
10	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan; địa phương ven biển	Văn bản rà soát đề xuất cấp có thẩm quyền	2027 - 2028
11	Tăng cường điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, trong đó ưu tiên khu vực biển sâu, biển xa, vùng bờ, đảo, hải đảo và các khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế biển mới.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan; địa phương ven biển	Chương trình, nhiệm vụ điều tra cơ bản được phê duyệt, triển khai; báo cáo kết quả điều tra; cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản được cập nhật.	2026 - 2030
IV. Dữ liệu biển, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và nguồn nhân lực					
12	Xây dựng, tích hợp, kết nối và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biển, bản đồ số biển và đại dương, hoạt động kinh tế biển	Cục Chuyển đổi số	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Viễn thám quốc gia; Cục Môi trường; Cục Biển đổi khí hậu; Cục Thủy sản và Kiểm ngư; các đơn vị liên quan	Hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ số và nền tảng chia sẻ dữ liệu được xây dựng, vận hành	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì (theo chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
13	Đề xuất, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quản trị biển, quan trắc, dự báo, bảo tồn hệ sinh thái biển, nuôi biển công nghệ cao, kiểm soát ô nhiễm biển và thích ứng biến đổi khí hậu.	Vụ Khoa học và Công nghệ	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục Môi trường; các đơn vị liên quan	Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt, triển khai; báo cáo kết quả	2026 - 2030
14	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về quản trị biển hiện đại, quy hoạch không gian biển, quản lý môi trường biển, thủy sản bền vững, dữ liệu biển và hợp tác quốc tế về biển, đại dương.	Vụ Tổ chức cán bộ	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Thủy sản và Kiểm ngư; các đơn vị thuộc Bộ	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; báo cáo kết quả hằng năm	Hằng năm

V. Thủy sản bền vững, nuôi biển công nghệ cao và kinh tế biển xanh

15	Rà soát, bổ sung và thực hiện hiệu quả Chiến lược thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam; các đơn vị liên quan; địa phương ven biển	Chiến lược được rà soát, bổ sung; báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
16	Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống khai thác IUU; kiểm soát tàu cá, sản lượng khai thác, truy xuất nguồn gốc thủy sản; xử lý nghiêm vi phạm.	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; UBND các tỉnh, thành phố ven biển; các đơn vị liên quan	Kế hoạch/đợt kiểm tra, báo cáo kết quả; cải thiện điều kiện gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của EC	2026 - 2030
17	Điều tra, đánh giá phục hồi nguồn lợi thủy sản; phát triển giống thủy sản, công nghệ nuôi biển, mô hình lồng nuôi thông minh,	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Vụ Khoa học và Công nghệ; Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Viện	Kết quả điều tra, đề xuất; mô hình, nhiệm vụ, dự án nuôi biển	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì (theo chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	phương tiện, thiết bị phục vụ nuôi biển; thúc đẩy nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao.		Khoa học Thủy sản Việt Nam; địa phương ven biển	công nghệ cao được triển khai; báo cáo kết quả	
18	Phối hợp xây dựng Đề án/Chương trình phát triển hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại, chú trọng phát triển kinh tế biển trong phạm vi 12 hải lý.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Bộ Tài chính; Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục Môi trường; các đơn vị liên quan	Ý kiến góp ý, nhiệm vụ, mô hình, cơ chế quản lý và phát triển kinh tế biển trong phạm vi 12 hải lý thuộc phạm vi của Bộ được đề xuất, triển khai	2026 - 2030

VI. Môi trường biển, đa dạng sinh học, hệ sinh thái biển và rác thải nhựa đại dương

19	Bảo vệ đa dạng sinh học, mở rộng và quản lý hiệu quả khu bảo tồn biển, bảo vệ rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi triều, vùng đất ngập nước ven biển.	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục Viễn thám quốc gia; các địa phương ven biển	Chương trình/kế hoạch bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái biển; báo cáo kết quả	2026 - 2030
20	Quản lý chất thải từ đất liền, ven biển, hải đảo và hoạt động trên biển, kinh tế biển; nâng cao hiệu quả phân loại, thu gom, tái chế rác thải nhựa ven biển, rác thải nhựa đại dương.	Cục Môi trường	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; địa phương ven biển; các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
21	Nghiên cứu, đánh giá và phát huy giá trị các hệ sinh thái carbon xanh như rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, bãi triều, rạn san hô; gắn bảo tồn với sinh kế bền vững và	Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Cục Môi trường;	Đề tài, nhiệm vụ, báo cáo đánh giá; đề xuất cơ chế khai thác giá trị carbon xanh; mô	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì (theo chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	phát triển kinh tế biển xanh.	trường	Cục Viễn thám quốc gia; các đơn vị liên quan	hình sinh kế bền vững	
VII. Biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai và sự cố môi trường biển					
22	Nâng cao năng lực điều tra, quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai trên biển	Cục Khí tượng thủy văn	Cục Môi trường; Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai; Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Viễn thám quốc gia; các địa phương ven biển	Hệ thống quan trắc, giám sát, dự báo được nâng cấp; báo cáo đánh giá hằng năm	2026 - 2030
23	Rà soát nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với đô thị, hạ tầng, khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển; đề xuất giải pháp bảo vệ bờ biển, đề biển, phục hồi vành đai sinh thái.	- Cục Biến đổi khí hậu - Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Môi trường; Cục Viễn thám quốc gia; địa phương ven biển	Báo cáo đánh giá rủi ro; danh mục giải pháp, dự án ưu tiên	2026 - 2030
24	Xây dựng, cập nhật và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống tại các địa phương ven biển, các đảo.	- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; - Cục Biến đổi khí hậu	Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Công Thương; Bộ Xây dựng; địa phương ven biển	Phương án ứng phó được xây dựng, cập nhật, triển khai; báo cáo kết quả	2026 - 2030
VIII. Phối hợp liên ngành, liên vùng, quốc tế và kiểm tra, giám sát					
25	Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương ven biển trong xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng về sử dụng không gian	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị thuộc Bộ; địa phương ven biển; các bộ, ngành liên quan	Cơ chế/phương án phối hợp; báo cáo kết quả	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì (theo chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	biển, môi trường biển, thủy sản, thiên tai, quốc phòng, an ninh và an toàn trên biển.				
26	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ môi trường biển, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển kinh tế biển xanh, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ biển.	Vụ Hợp tác quốc tế	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; các đơn vị liên quan	Chương trình/kế hoạch hợp tác quốc tế; báo cáo kết quả	2026 - 2030
27	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo Bộ trưởng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Văn phòng Bộ; Vụ Kế hoạch - Tài chính; các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo định kỳ, báo cáo sơ kết, tổng kết	Hàng năm
28	Rà soát nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đang triển khai theo Nghị quyết số 26/NQ-CP; đề xuất tiếp tục thực hiện, điều chỉnh, tích hợp hoặc dừng thực hiện theo thẩm quyền.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Pháp chế; các đơn vị liên quan	Báo cáo rà soát, đề xuất xử lý nhiệm vụ, đề án, dự án	2026